

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU- CHI HỖ TRỢ, DỊCH VỤ PHỤC VỤ
HOẠT ĐỘNG HỌC SINH TRONG NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ công văn 1367/SNV-CCVC ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Sở Nội vụ V/v hướng dẫn thực hiện thang bảng lương theo Bộ luật Lao động (từ ngày 01/7/2024);

Căn cứ Công văn số 2603/SGDĐT-KT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Sở GDĐT Bình Dương về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ công văn 1801/UBND-VX ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân huyện về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục;

Căn cứ công văn số 2076/UBND - KT ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân huyện Phú Giáo về việc phê duyệt dự toán thu, mức thu – chi học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Phú Giáo từ năm học 2024 – 2025;

Căn cứ kết quả họp Phụ huynh học sinh ngày 30 tháng 8 năm 2024 và biên bản họp phụ huynh học sinh lần 2 ngày 26 tháng 9 năm 2024;

Căn cứ vào tình hình thực hiện thu – chi các khoản phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học 2023-2024 và tình hình thực tế năm học mới 2024-2025;

Nay Trường Tiểu học Phước Hòa B xây dựng kế hoạch thực hiện các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 trình Phòng tài chính – Kế hoạch huyện thẩm định và trình Lãnh đạo UBND huyện phê duyệt.

Số học sinh của nhà trường: 698/347 nữ. Số HS nghèo, cận nghèo, khuyết tật được miễn/giảm: khoảng 58 em. Dự kiến số HS đóng 640 em



Số lớp: 21. Bình quân: 33,2 học sinh/lớp

Số CBGVNV: 42 (BGH: 02; Hành chính: 07; Giáo viên giảng dạy: 33)

I. Thu Bảo hiểm y tế

1. Mức thu:

Theo Hương dẫn 01/HD-GDDT-LĐT BXH-BHXH ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương về hướng dẫn liên ngành thực hiện bảo hiểm y tế học sinh.

Mức đóng BHYT bằng 4,5% mức lương cơ sở, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 30%, học sinh đóng 70%.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ thêm 20% mức đóng bảo hiểm y tế (ngoài chế độ hỗ trợ của Trung ương) theo Nghị quyết 15/2022/NQ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Bình Dương.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn phải được xác nhận của địa phương và của PGDDT huyện Phú Giáo (Theo Hương dẫn 01/HD-GDDT-LĐT BXH-BHXH).

- Đối với học sinh lớp 1 đóng 15 tháng (Từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2025)
- Đối với học sinh lớp 2, 3, 4, 5 đóng 12 tháng (Từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025)
- Số tiền đóng/1 tháng của 1 HS = $2.340.000 \times 4,5\% \times 70\% = 73.710$ đồng
- Số tiền đóng/1 tháng của 1 HS diện khó khăn = $2.340.000 \times 4,5\% \times 50\% = 52.650$ đồng.

Cụ thể mức đóng các đối tượng như sau:

Đối tượng	Số tháng đóng	Số tiền đóng đối với HS bình thường	Số tiền đóng đối với HS kk
Học sinh lớp 1 sinh từ tháng 01/2018 đến ngày 01/10/2018	15	1,105,650	789,750
Học sinh lớp 1 sinh từ 02/10/2018-01/11/2018	14	1,031,940	737,100
Học sinh lớp 1 sinh từ 02/11/2018-01/12/2018	13	958,230	684,450
Học sinh lớp 1 sinh từ 02/12/2018 trở đi Học sinh lớp 2, 3, 4, 5	12	884,520	631,800

2. Chi:

Đóng 100% cho cơ quan bảo hiểm theo số tiền thực thu theo quy định về mức thu BHYT của Hương dẫn 01/HD-GDDT-LĐT BXH-BHXH ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

Số tiền được trích thực hiện chi theo quy định tại Hương dẫn 01/HD-GDDT-LĐT BXH-BHXH ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương.

II. Thu phục vụ cho công tác hoạt động giáo dục

1. Thu vệ sinh trường lớp

a) **Mức thu:** 11.000 đồng/hs/tháng x 9 tháng x 640 học sinh = 63,360,000 đồng.

b) **Mức Chi:**

- Chi nộp thuế TNDN 2% trên tổng thu với số tiền dự kiến: 1.267.200 đồng/9 tháng.

- Thuê 1 nhân viên dọn vệ sinh trường lớp, dọn nhà vệ sinh học sinh Hợp đồng lao động theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 về mức lương tối thiểu từ ngày 01/7/2022 áp dụng với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và công văn 1367/SNV-CCVC ngày 11/7/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện thang bảng lương theo Bộ Luật Lao động (từ 01/7/2024). Tiền chi trả hàng tháng gồm lương bậc 1 + tiền đóng bảo hiểm theo quy định 21,5%: 6.026.400 đồng/tháng * 9 tháng = 54.237.600 (Dự kiến hợp đồng nhân viên 9 tháng).

- Chi mua vật tư vệ sinh cho người hợp đồng lao động hàng tháng với số tiền: 5.220.000đ/9 tháng (như ủng, bao tay, khẩu trang, túi đựng rác, nước tẩy rửa, nước lau sàn, xà phòng Libbuoy rửa tay, ...)

- Chi mua dụng cụ vệ sinh với số tiền: 2.635.200đ/1 năm (Cây lau nhà, thùng rác, chổi cỏ, chổi quét sân, quét mạng nhện, chổi chà nền,cho người ký hợp đồng lao động sử dụng vào nhiệm vụ, công việc được giao.

2. Thu phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh):

a) **Mức thu:** 165.000đ/em/tháng (Tăng 13,79% so với năm học 2023-2024).

b) **Dự toán mức chi**

- Chi nộp thuế TNDN 2% trên tổng thu với số tiền dự kiến: 1.650.000đ.

- Chi Công nấu: 64.680 đồng/tháng/học sinh * 500 em = 32.340.000đ/tháng (Hợp đồng lao động theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 và công văn 1367/SNV-CCVC ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Sở Nội vụ V/v hướng dẫn thực hiện thang bảng lương theo Bộ luật Lao động (từ ngày 01/7/2024).

+ Bếp trưởng: Lương bậc 4 là 5.741.000*1 người + 21,5 BHXH, BHYT, BHTN = 6.975.315đ;

+ Cấp dưỡng (4 người): Lương bậc 1 là 5.208.000đ + 21,5 BHXH, BHYT, BHTN = 6.327.720 x 4 người = 25.310.887 đồng/tháng.

Tổng số tiền chi cho 5 người hợp đồng lao động, đóng BHXH, BHYT, BHTN là: 32.340.000 đồng/tháng



- Chi bảo mẫu: bảo mẫu 51.975 đồng/tháng/học sinh * 500 em = 25.987.500đ/tháng. Chi theo số lượng thực tế học sinh tham gia bán trú của lớp.

- Chi hỗ trợ cho công tác quản lý bán trú 13.200 đồng/tháng/học sinh * 500 em = 6.600.000đ/tháng. Trong đó: Hiệu trưởng: 21%; Phó HT: 21%; kế toán 14%, thủ quỹ 14%; bảo vệ, vệ sinh bán trú: 6%/người x 5 người.

- Chi Chất đốt (gas), vật tư vệ sinh bếp (nước tẩy rửa, phụ thu điện nước, mua dụng cụ, sửa chữa đồ dùng cho bếp ăn bán trú: 31.845đ/tháng/HS = 15.922.500 đồng.

*** Ghi chú:**

- Lương chi trả cho bảo mẫu và quản lý sẽ điều chỉnh tăng giảm sau khi đã chi trả các khoản gồm: thuế TNDN, lương nhân viên nhà bếp, tiền gas, chất tẩy rửa sao cho thu đủ, chi đủ.

3. Thu tiền dạy học các tiết học buổi 2

a) Định mức thu: 4.600 đồng/tiết (Tăng 15% so với năm học 2023-2024)

Cụ thể định mức số tiết học các tiết học ngoài giờ chính khóa các khối lớp như sau:

Khối lớp	Số tiết/tuần	Tổng số tuần/năm	Ghi chú
Lớp 1 (Tuần 1-9)	10	9	
Lớp 1 (Tuần 10-18)	8	9	Trừ 2 tiết AV
Lớp 1 (Tuần 19-35)	7	17	Trừ 1 tiết Tin học
Lớp 2	7	35	
Lớp 3	7	35	
Lớp 4	5	35	
Lớp 5	5	35	

Số tiền thu hàng tháng như sau:

	Số tuần/tháng	Số tiền Lớp 1	Số tiền Lớp 2	Số tiền Lớp 3	Số tiền Lớp 4	Số tiền Lớp 5
Tháng 9	3,5 tuần (05/9-30/9)	161,000	112,700	112,700	80,500	80,500
Tháng 10	4,5 tuần (01/10-31/10)	207,000	144,900	144,900	103,500	103,500
Tháng 11	4 tuần (01/11-29/11)	156,400	128,800	128,800	92,000	92,000
Tháng 12	4,5 tuần (02/12-31/12)	165,600	144,900	144,900	103,500	103,500
Tháng 01	2,5 tuần (02/01-10/01 20/01-24/01)	87,400	80,500	80,500	57,500	57,500
Tháng 02	4 tuần (03/02 - 28/2)	128,800	128,800	128,800	92,000	92,000
Tháng 3	4 tuần (03/3-31/3)	128,800	128,800	128,800	92,000	92,000

Tháng 4	4 tuần (01/4-29/4)	128,800	128,800	128,800	92,000	92,000
Tháng 5	4 tuần (02/5-29/5)	128,800	128,800	128,800	92,000	92,000
	35 tuần	1,292,600	1,127,000	1,127,000	805,000	805,000

b) **Định mức chi: Dự kiến số HS đóng tiền là 640 em**

- Đóng thuế TNDN 2% với số tiền 12.837.660 đồng/9tháng

Sau khi đóng thuế, số còn lại chi với định mức: Giáo viên 80%, Quản lý 10%; CSVC 10%. Cụ thể:

- Chi giáo viên giảng dạy: 80%/tổng số tiền thu đã trừ thuế. Với tổng số tiền dự kiến 503.236.272 đồng/9 tháng.

- Chi sửa chữa cơ sở vật chất, hoạt động dạy học: 10% tổng số tiền thu đã trừ thuế. Với tổng số tiền dự kiến 62.904.534 đồng/9 tháng.

- Chi cho công tác quản lý 10% tổng số tiền thu đã trừ thuế. Với tổng số tiền dự kiến 62.904.534 đồng/9 tháng.

(Trong đó: Chi HT: 2%; PHT: 1,9%; kế toán: 1,4%; thủ quỹ 1,2%; TVTB: 0.9%; Giáo vụ: 0,7; bảo vệ: 1,5 (chia đều cho 3 người); phục vụ: 0,4%).

II. Thu các khoản hỗ trợ cho cá nhân học sinh

Tiền ăn bán trú:

Mức thu: Tiền ăn bán trú 28.000 đồng/ngày thu theo số ngày thực tế đi học trong tháng.

Mức chi: Chi mua thực phẩm bữa ăn chính (ăn trưa), Ăn xế (Sữa chua, sữa tươi, bánh...) tổng 28.000 đồng/ngày.

Lưu ý: Thu tiền ăn theo số ngày thực tế học sinh ăn bán trú trong tháng, trường hợp không ăn cơm bán trú (thông báo cho bộ phận quản lý bán trú sớm hơn 14 giờ 00 phút của ngày hôm trước), số ngày không ăn cơm bán trú sẽ được nhà trường hoàn trả tiền lại tiền ăn 28.000 đồng/ngày đã thu vào tháng kế tiếp.

III. Thu các hoạt động phục vụ giáo dục theo nhu cầu

a) Dự kiến tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo nhu cầu từ tháng 11, gồm:

- Dạy học tiếng Anh liên kết với 100% giáo viên nước ngoài: 2 tiết/tuần

- Nguyên tắc tổ chức: Nhà trường khảo sát ý kiến phụ huynh học sinh, tổ chức cho học sinh tham gia tự nguyện theo nhu cầu đăng ký; công khai lựa chọn đơn vị liên kết. Lập hồ sơ, kế hoạch trình PGDDT duyệt trước khi tổ chức.

- Học phí: Theo thỏa thuận của PHHS với đơn vị liên kết.

- Thu - Chi: Đơn vị liên kết chịu trách nhiệm thu kinh phí. Phần trích của đơn vị liên kết cho nhà trường sẽ phục vụ cho CSVC, điện, nước của nhà trường.

IV. Chế độ miễn, giảm

Thực hiện theo Khoản 6, điều 1 của Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương. Cụ thể:

- Học sinh được miễn các khoản thu tiền học buổi 2, tiền phục vụ bán trú, tiền vệ sinh đối với học sinh thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP; đối tượng thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; học sinh bị khuyết tật; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

- Học sinh được giảm 50% các khoản thu tiền học buổi 2, tiền phục vụ bán trú, tiền vệ sinh đối với học sinh thuộc đối tượng hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con của CB, CC, VC, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

IV. Quy định hình thức thu

- Thu theo năm đối với khoản thu BHYT. Các khoản còn lại thu theo từng tháng. Có thể thu theo học kỳ, năm đối với khoản tiền học buổi 2, tiền vệ sinh nếu Phụ huynh có nhu cầu đóng học kỳ, năm.

- Phụ huynh học sinh đóng tiền bằng hình thức chuyển qua địa chỉ <https://binhduong.quanlygiaoduc.vn/> hoặc chuyển khoản tiền qua các Ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại như: Agirbank mobile banking, BIDV Smart Banking, Sacombank mBanking, Abbank mobile, Vietin Bank Ipay, VCB Digibank.... (không sử dụng tiền mặt).

Trên đây là kế hoạch dự kiến thu-chi hỗ trợ, dịch vụ phục vụ học sinh năm học 2024-2025 của trường TH Phước Hòa B./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- HĐND xã Phước Hòa;
- Lưu VT.



Trần Thị Minh Huệ